TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HSST
Ngày: 06/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Vũ.

Ông Bùi Hoàng Sơn.

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký TAND huyện Ea H'Leo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo*** *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/HSST, ngày 14 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Bùi Thị Thu H, sinh năm 1981; tại: tỉnh Quảng Ngãi; CMND số: 240715991; trú tại: thôn B, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Giáo Viên mầm non; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Trần Thị L chồng là Đặng Ngọc V (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm từ ngày 07/9/2022 đến ngày 31/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bão lĩnh tại ngoại. Nhân Thân: Ngày 25/01/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Tp. Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tộib "bắt giữ người trái pháp luật", bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại ông Tống Văn L.

Nơi cư trú: thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – có măt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tống Thanh T – sinh năm 1991.

Nơi cư trú: thôn C, xã Eo, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Tống Văn L tham gia tố tụng).

- Ông Phan Chí D – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo, gồm có:

- Ông Hồ Đình H – Luật sư – Văn phòng luật sư ĐH, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lăk (bào chữa chỉ định theo yêu cầu của cơ quan tố tụng) – có mặt.

- Ông Võ Đình D – Luật sư – Văn phòng Luật sư ĐD, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Luật sư do gia đình bị cáo mời) – có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo có bà Bùi Thị Hồng V, sinh năm 1983(em ruột của bị cáo H).

Địa chỉ: Số B, đường A, thôn B, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2014 thông qua mối quan hệ xã hội Bùi Thị Thu H và ông Tống Văn L quen biết nhau, qua tiếp xúc H biết được con trai ông L là Tống Thanh T đã tốt nghiệp trường đại học Tây nguyên chuyên ngành quả lý đất đai nhưng chưa xin được việc làm, nên H nói với ông L là bản thân có quen biết với nhiều người công tác trong ngành Công an và có khả năng xin cho Tống Thanh T vào làm việc tại Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh Đắk Lắk, nếu ông L đồng ý thì đưa cho H 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), H sẽ lấy trước 300.000.000đ để xin việc cho T, số còn lại 200.000.000đ H sẽ lấy khi T có quyết định đi làm. Nghe vậy ông L đồng ý và nhờ H xin việc cho T.

Đầu năm 2015 (không rõ ngày tháng) H trực tiếp đến nhà ông L lấy số tiền 300.000.000đ để xin việc cho T, sau khi nhận tiền H đưa cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc, gồm: Lý lịch tự khai, đơn xin việc vào ngành Công an và một số giấy tờ khác để anh T ghi thông tin cá nhân vào hồ sơ. Sau khi T ghi đầy đủ các thông tin trong hồ sơ kèm theo bằng cấp, chứng chỉ...thì ông L phô tô và giữ lại bản phô tô còn bản chính thì đưa cho H. H hẹn 02 – 03 tháng thì T có quyết định đi làm tại Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng tháng 6/2016 H gọi cho ông L nói là T đã có quyết định đi làm tại Phòng cảnh sát nôi trường Công an tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu ông L chuẩn bị số tiền 200.000.000đ còn lại để H lấy. Ngày 14/6/2016 H trực tiếp đến nhà ông L lấy tiếp 200.000.000đ và viết cho ông L một giấy mượn tiền, nội dung: "Hiền mượn của anh L 500.000.000đ...".

Sau khi đưa đủ 500.000.000đ cho H nhưng chờ mãi vẫn không thấy T có quyết định đi làm việc như H đã hứa, nên ông L đã nhiều lần gọi điện và trực tiếp đến gặp H đòi lại tiền nhưng H cứ hứa hẹn mà không trả. Đến ngày 11/4/2017 H chuyển khoản trả cho ông Lại 20.000.000đ. Số còn lại 480.000.000đ H không trả, nên ông Lại đã làm đơn tố cáo hành vi của H.

Qúa trình điều tra H chỉ thừa nhận số tiền 500.000.000đ là H mượn của ông L chứ không phải là tiền nhận xin việc cho anh T. H khai sau khi mượn tiền của ông L thì H cho em kết nghĩa là Phan Chí D (công tác tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số N thuộc Trung đoàn Cảnh sát cơ động Tây nguyên – Bộ công an) mượn 250.000.000đ; H đưa cho ông Trần Văn Th 40.000.000đ làm chi phí đi đòi nợ Phan Chí D và 20.000.000đ chuyển trả cho ông L, số còn lại H chi dùng cá nhân.

Ông Tống Văn L, khẳng định số tiền 500.000.000đ H nhận của ông là tiền xin việc cho Tống Thanh T nhưng H nói đây là vấn đề tế nhị nên H viết giấy mượn, ông L đã giao nộp giấy mượn tiền; 01 bộ hồ sơ xin việc của Tống Thanh T (bản phô tô) và 01 (thẻ nhớ) chứa 02 tệp tin ghi âm các cuộc nói chuyện giữa ông với Bùi Thị Thu H do ông L ghi âm.

Tại bản kết luận giám định số 3706/C09B ngày 08/11/2018 của Phân viên khoa học hình sự Bộ công an tại TP Hồ Chí Minh, kết luận: Tiếng nói của người phụ nữ trong các đoạn ghi âm và tiếng nói của Bùi Thị Thu H trong mẫu so sánh là cùng một người, đoạn ghi âm không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu giám định. (Nội dung các fai ghi âm này đã chuyển thành bản dịch gồm 9 trang giấy A4).

Tại bản kết luận giám định số 214/KLGĐ ngày 04/10/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây nguyên, kết luận:

- Về y học: Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội Bùi Thị Thu H có sức khỏe tâm thần bình thường. Từ tháng 7/2022 đến thời điểm hiện tại Bùi Thị Thu H bị bệnh rối loạn thích ứng với rối lợn hỗn hợp cảm xúc và hành vi (F43.25 –ICD 10).

- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Thị Thu H đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Từ tháng 7.2022 đến nay Bùi Thị Thu H hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản cáo trạng số 57/KSĐT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, truy tố Bùi Thị Thu H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo im lặng không trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử.

Người đại diện hợp của bị cáo cho rằng: H tại bị cáo bị bệnh lúc tỉnh lúc mê không đủ tỉnh táo nên mới không trả lời được các câu hỏi của HĐXX.

Người bị hại ông Tống Văn L khai số tiền 500.000.000đ mà H viết giấy mượn của ông là tiền bị cáo H nhận để xin việc cho con ông là Tống Thanh T mặc dù không xin được việc cho T nhưng H chỉ trả lại cho ông được 20.000.000đ số còn lại 480.000.000đ H đã chiếm đoạt và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình H tiếp tục trả thêm được 20.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ. Ông L cũng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết quả tranh luận, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H, từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại cho ông Tống Văn L 40.000.000đ số còn lại 460.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục trả cho ông Lại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Luật sư Võ Đình D bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, luật sư không có ý kiến gì, tuy nhiên xét thấy, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã chuyển trả cho ông L 20.000.000đ và trong quá trình tố tụng gia đình bị cáo đã khắc phục thêm 20.000.000đ; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại hết sức khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, một mình phải nuôi hai con ăn học; quá trình công tác có thành tích xuất sắc, có ông bà nội là người có công cách mạng; bản thân bị cáo hiện bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; tại phiên tòa người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức dưới khung hình phạt mà VKS đề nghị.

Luật sư Trần Đình H: Về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đồng ý với quan điểm của Luật sư Võ Đình D, tuy nhiên xét thấy bị cáo H và ông Tống Văn L có thời gian quen biết nhau khá lâu và có mối quan hệ có thể nói là thân tình, nên việc bị cáo H nhận tiền để nhờ người khác xin việc cho con trai ông L khả năng là đúng thực tế, nên có thể H cũng không có ý thức chiếm đoạt số tiền này, nhưng do quá trình xin việc không đạt được kết quả và không chứng minh được số tiền này mình đã đưa cho ai nên H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, mong HĐXX cân nhắc xét xử bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo đồng ý với luận cứ bào chữa của các Luật sư và không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo không nói gì.

Người đại diện của bị cáo: Xin HĐXX xem xét đến hoàn cảnh và sức khỏe và tình trạng tâm thần của bị cáo, hiện nay lúc tỉnh lúc mê, mê nhiều hơn tỉnh ngoài ra bị cáo còn mắc bệnh xương khớp đi lại khó khăn, xin HĐXX xét xử bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất, để bị cáo có điều kiện chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H’Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố có vi phạm thủ tục tố tụng, như theo kết luận giám định tâm thần thì bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng cơ quan điều tra, truy tố không cử luật sư bào chữa cho bị cáo, tuy nhiên vi phạm này đã được khắc phục sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2]. Về nội dung vụ án: Mặc dù trong quá trình điều tra bị cáo H khai có nhận của ông L 500.000.000đ nhưng cho rằng đây là tiền mượn chứ không phải tiền xin việc làm cho con trai ông L và tại phiên tòa bị cáo im lặng không trả lời các câu hỏi của HĐXX, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đặc biệt là fai ghi âm các cuộc nói chuyện giữa ông Tống Văn L với bị cáo H được ông L ghi âm, nội dung thể hiện rõ số tiền H nhận của ông L không phải là tiền vay mượn mà là tiền H nhận để xin việc cho con trai ông L, fai ghi âm đã được Phân viên khoa học hình sự Bộ công an tại TP Hồ Chí Minh, kết luận: Tiếng nói của người phụ nữ trong các đoạn ghi âm và tiếng nói của Bùi Thị Thu H trong mẫu so sánh là cùng một người, đoạn ghi âm không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu giám định. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Bùi Thị Thu H không phải là người có chức năng, nhiệm vụ và cũng không có khả năng tuyển dụng, xin việc trong các cơ quan nhà nước nhưng H đã đưa ra các thông tin gian dối với ông Tống Văn L rằng bản thân quen biết nhiều người công tác trong ngành Công an và có khả năng xin cho Tống Thanh T (con ông L) vào làm việc tại Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Đắk Lắk, làm cho ông Tống Văn L tin và đã đưa cho H 2 lần tổng cộng là 500.000.000đ để H xin việc cho T, sau khi nhận

tiền H đã không xin việc cho T mà dùng số tiền này để cho Phan Chí D vay 250.000.000đ, số còn lại thì sử dụng chi tiêu cá nhân và chỉ mới trả lại cho ông L 20.000.000đ, đồng thời trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã khắc phục thêm cho bị hại 20.000.000đ. Số còn lại là 460.000.000đ.

[3]. hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, có dấu hiệu phạm vào khoản 4 Điều 174 Bộ Luật hình sự, nhưng Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tòa án đã trả hồ sơ để Viện Kiểm sát chuyển cấp có thẩm quyền truy tố, xét xử theo quy định, nhưng Viện kiểm sát không thực hiện và chuyển trả hồ sơ cho Tòa án xét xử, nên Tòa án chỉ xét xử theo khung mà Viện kiểm sát truy tố.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ nhận thức biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo đồng thời phát huy tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi; bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện trả lại một phần tài sản chiếm đoạt cho bị hại là 40.000.000đ; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại khó khăn, đã ly hôn, một mình nuôi hai con ăn học; có ông nội là liệt sỹ và bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng; tại phiên tòa hôm nay người bị hại cũng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật. Áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố.

[6]. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự, chấp nhận việc bị cáo và gia đình đã tự nguyện trả lại cho ông Tống Văn L 40.000.000đ; buộc bị cáo tiếp tục phải trả cho ông Tống Văn L 460.000.000đ.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Thu H, phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, q khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 54 Bộ Luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bùi Thị Thu H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 31/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Chấp nhận việc bị cáo đã trả lại cho ông Tống Văn L 40.000.000đ *(bốn mơi triệu đồng)*. Buộc bị cáo phải tiếp tục trả cho ông Tống Văn L 460.000.000đ *(bốn trăm sáu mươi triệu đồng).*

- Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thị Thu H phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 22.400.000đ *(hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* án phí DSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Kiến nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án của Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo về thẩm quyền truy tố và xét xử.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đwọc bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Công an huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Long